

Số: 703/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 23 tháng 7 năm 2015

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI**  
**THÁNG 7 NĂM 2015**

**I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại**

**1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp**

*1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:*

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 7/2015 giảm 6,93% so với tháng trước và tăng 9,89% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,95%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 41,62%; hoạt động sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 7,53%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 4,3% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2015, chỉ số sản xuất công nghiệp có mức tăng khá đạt 13,12% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ năm 2014 (6,61%). Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 19,53%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,08%; Riêng công nghiệp khai khoáng giảm 6,6%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 17,4% so với cùng kỳ năm trước (do lượng nước hồ thủy điện không đủ để nhà máy hoạt động liên tục, chủ yếu chỉ có một tổ máy hoạt động).

*1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:*

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 7/2015 đạt được mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Săm xe các loại tăng 80,18%; điện sản xuất tăng 61,11%; dầu nhựa thông tăng 31,76%; điện thương phẩm tăng 17,95%. Một số sản phẩm duy trì ở mức tăng ổn định như: Quặng zircon và tinh quặng zircon tăng 5,37%; phân bón NPK tăng 5,36%; lốp xe các loại tăng 4,48%; đá xây dựng tăng 2,31%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Quặng ilmenite và tinh quặng ilmenite giảm 64,36%; tấm lợp Phibro xi măng giảm 50,17%; đồ uống không cồn, nước khoáng giảm 29,48%; tinh bột sắn giảm 16,7%; ván ép giảm 8,94%; xi măng Portland đen giảm 8,07%; gỗ xẻ giảm 7,59%; gạch xây giảm 0,58%.

**2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu:**

*2.1 Lĩnh vực thương mại:*

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 7/2015 ước đạt 1829,61 tỷ đồng, tăng 1,99% so với tháng trước và tăng 5,81% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 1571,49 tỷ đồng, tăng 1,99% so với tháng trước và tăng 6,41% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, phân theo loại hình

kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 128,23 tỷ đồng, giảm 32,43%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 899,77 tỷ đồng, tăng 7,7%; kinh tế tư nhân ước đạt 543,34 tỷ đồng, tăng 14,16% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 258,12 tỷ đồng, tăng 1,98% so với tháng trước và tăng 2,28% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ lưu trú ước đạt 7,28 tỷ đồng, tăng 1,52%; dịch vụ ăn uống ước đạt 184,85%, giảm 0,85%; lữ hành ước đạt 3,12 tỷ đồng, tăng 53,17%; dịch vụ khác ước đạt 63,15 tỷ đồng, tăng 10,79% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 7 tháng đầu năm 2015 ước đạt 12312,37 tỷ đồng, tăng 8,46% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ ước đạt 10586,38 tỷ đồng, tăng 8,36%; doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 1725,89 tỷ đồng, tăng 9,06%.

## *2.2. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu*

### *2.2.1. Xuất khẩu*

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 7/2015 ước đạt 20,882 triệu USD, tăng 4,32% so với tháng trước và giảm 33,87% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2015, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 111,668 triệu USD, tăng 13,28% so với cùng kỳ năm trước<sup>1</sup>. Trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 16,091 triệu USD, tăng 9,75%; kinh tế tư nhân ước đạt 89,953 triệu USD, tăng 16,73%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 5,624 triệu USD, giảm 17,98%.

### *2.2.2. Nhập khẩu:*

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 7/2015 ước đạt 20,173 triệu USD, tăng 4,78% so với tháng trước và giảm 41,04% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2015, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 69,236 triệu USD, giảm 9,18% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 2,905 triệu USD, giảm 66,86%; kinh tế tư nhân ước đạt 90,365 triệu USD, giảm 2,8%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 2,966 triệu USD, giảm 29,53%.

## **3. Chỉ số giá tiêu dùng:**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2015 giảm 0,12% so tháng trước, đây là tháng thứ tư chỉ số giảm từ đầu năm đến nay. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,27%; nhóm hàng nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,12%; nhóm hàng giáo dục giảm 0,46%. Các nhóm hàng còn lại tăng, dẫn đầu là nhóm hàng văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,4%; nhóm hàng giao thông tăng 0,17%; nhóm hàng thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,15%; nhóm hàng may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,01%; các nhóm hàng đồ uống, thuốc lá; nhóm hàng thuốc và dịch vụ y tế; nhóm hàng bưu chính viễn thông không tăng, không giảm.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7 năm 2015 giảm 0,21% so với cùng kỳ năm trước và giảm 0,2% so với thời điểm điểm tháng 12/2014.

---

<sup>1</sup> Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: Hàng rau quả; tinh bột sắn; xăm lốp xe máy, gỗ và gỗ ép.

## II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Phối hợp chuẩn bị nội dung, tham mưu UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương để thẩm định Đề án thành lập Khu kinh tế Đông Nam, tỉnh Quảng Trị; Đề xuất nội dung liên quan về phát triển các dự án năng lượng tại Khu Đông Nam; Hoàn chỉnh và trình thẩm định dự toán Đề án quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc khu Đông Nam.
- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị thẩm định Quy hoạch phát triển các dự án có nhu cầu sử dụng khí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Công bố Quy hoạch chung xây dựng Khu Đông Nam tỉnh Quảng Trị đến năm 2030; Trình phê duyệt Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- Hoàn chỉnh Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước của ngành Công Thương năm 2016; Phối hợp giải trình một số chỉ tiêu trong báo cáo kinh tế - xã hội của tỉnh 6 tháng đầu năm 2015; Rà soát nội dung các bài tham luận chuẩn bị phục vụ Diễn đàn kinh tế Quảng Trị 2015 kết nối hành lang Kinh tế Đông Tây.
- Phối hợp chuẩn bị nội dung để UBND tỉnh làm việc với Bộ Giao thông Vận tải về dự án cảng chuyên dùng nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1; Hoàn chỉnh và tham mưu UBND tỉnh làm việc với Bộ Công Thương về phương án cấp điện cho huyện đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị; Tổ chức làm việc và đề xuất chủ đầu tư dự án điện gió; Hiện đã thụ lý hồ sơ dự án đầu tư điện gió tại Hướng Linh; Thực hiện báo cáo kết quả và trình thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục cấp điện nông thôn xã Triệu Thượng thuộc dự án đầu tư Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014 - 2020.
- Tham mưu rà soát và báo cáo UBND tỉnh các dự án liên quan đến sản xuất gỗ, mộc mỹ nghệ, viên nén năng lượng; Tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá việc thực hiện Thông tư số 33/2012/TT-BCT của Bộ Công Thương về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế mỏ khoáng sản rắn trên địa bàn.
- Thẩm định các đề án khuyến công quốc gia năm 2015; Hoàn chỉnh hồ sơ, trình Cục Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương) thẩm định kinh phí hỗ trợ khuyến công quốc gia năm 2016.
- Chuẩn bị nội dung, làm việc Sở Khoa học Công nghệ về Đề cương và dự toán chi tiết đề tài “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh”; Tổ chức tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở trên địa bàn huyện ĐaKông.
- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020<sup>2</sup>. Trình UBND tỉnh xem xét Kế hoạch giải toả vi phạm hành lang an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn.
- Tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra điều kiện kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hoá lỏng; Đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; kiểm tra, rà soát chất lượng và đánh giá mức độ

<sup>2</sup> Tại Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 13/7/2015 của UBND tỉnh

an toàn các hồ đập thủy lợi, thủy điện; kiểm tra công tác khắc phục vi phạm tuyến đường dây 22kV trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Công Thương kết quả tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật quy định về chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Tổ chức đoàn khảo sát và thống nhất địa điểm quy hoạch xây dựng kho ngoại quan xăng dầu trên địa bàn.

- Tổ chức Hội chợ Công Thương khu vực Bắc Trung bộ - Nhịp cầu xuyên Á - Quảng Trị 2015<sup>3</sup>; Hiện đang báo cáo kết quả tổ chức hội chợ và tiến hành thanh quyết toán kinh phí liên quan tổ chức Hội chợ; Tổ chức Hội nghị ngành Công Thương 6 tỉnh Bắc Trung bộ năm 2015.

- Ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hoá lỏng, điện lực; Tổ chức họp xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn; Thụ lý hồ sơ xâm phạm hành lang an toàn hồ chứa thủy điện trên địa bàn.

- Kiểm tra nội bộ chấp hành pháp luật trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính năm 2015 tại các Đội thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh.

- Hoàn chỉnh thủ tục rà soát bổ sung điều chỉnh quy hoạch cán bộ của Sở; Thực hiện quy trình bổ nhiệm phó trưởng phòng xuất nhập khẩu & Hội nhập kinh tế; Giải quyết chế độ, tham mưu phụ cấp thâm niên nghề đối với công chức được xếp lương theo ngạch Thanh tra; H

- Hoàn chỉnh hồ sơ trình công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; Tổ chức lấy ý kiến thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện, cấp xã trên lĩnh vực công thương.

### **III. Một số công tác trọng tâm tháng 8 năm 2015**

- Tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ các tháng cuối năm 2015 của các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thường trực.

- Phối hợp Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn (Bộ Xây dựng) lập Quy hoạch chi tiết khu Trung tâm khu Đông Nam Quảng Trị.

- Chuẩn bị nội dung làm việc và giải trình các nội dung liên quan về Đề án thành lập khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Làm việc với Bộ Công Thương để lấy ý kiến thoả thuận Đề án theo phân công, chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Hoàn chỉnh Quy hoạch phát triển các Dự án có nhu cầu sử dụng khí đến năm 2020; Tổ chức lấy ý kiến dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Công bố Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2020; Triển khai lập Quy hoạch phát triển điện lực (hợp phần 1) giai đoạn 2016-2025.

- Tiếp tục nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, để tham mưu và đề xuất UBND tỉnh các giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ.

---

<sup>3</sup> Quy tụ được 238 tổ chức, doanh nghiệp tham gia với số lượng 500 gian hàng, trong đó có nhiều doanh nghiệp đến từ nước Lào và Thái Lan.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Bản ghi nhớ giữa UBND tỉnh Quảng Trị và Công ty One Asia Development Co. Ltd (Thái Lan); Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án trọng điểm vào Khu Đông Nam Quảng Trị.
- Tiếp tục xúc tiến đầu tư, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh.
- Chuẩn bị nội dung được phân công và phối hợp tổ chức Diễn đàn kinh tế Quảng Trị năm 2015 - Kết nối hành lang kinh tế Đông Tây.
- Hoàn chỉnh chương trình khoa học công nghệ phục vụ phát triển ngành công nghiệp và thương mại đến năm 2020; Xây dựng Kế hoạch triển khai Quyết định số 2146/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020 của Chính phủ.
- Tham mưu UBND tỉnh làm việc với Bộ Công Thương và Tập đoàn Dệt may Việt Nam để triển khai, thực hiện kế hoạch phát triển ngành dệt may tại địa bàn tỉnh: chuẩn bị báo cáo tình hình hoạt động và dự kiến các dự án thu hút đầu tư phát triển ngành Dệt may trên địa bàn.
- Chỉ đạo triển khai các đề án khuyến công của tỉnh và quốc gia đã được phê duyệt; Chỉ đạo xây dựng Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 – 2020.
- Triển khai thực hiện đề tài “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh”; Tham mưu xây dựng đề án phát triển cụm, điểm công nghiệp – làng nghề trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, có tính đến năm 2030; Tiếp tục triển khai hướng dẫn điều chỉnh quy hoạch và hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn
- Chuẩn bị nội dung, làm việc với một số doanh nghiệp, tổ chức bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh; Làm việc với các ngành, lực lượng chức năng của tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 41/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới.
- Tiếp tục chỉ đạo triển khai các đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh và quốc gia năm 2015; Xây dựng Chương trình Xúc tiến thương mại giai đoạn 2016 – 2020; Trình UBND tỉnh phê duyệt các Đề án Xúc tiến thương mại năm 2016; Hoàn thiện Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh.
- Triển khai kế hoạch phát triển thương mại điện tử năm 2015; Xây dựng Kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2020 trình UBND tỉnh phê duyệt.
- Hoàn chỉnh hồ sơ thanh quyết toán “Hội chợ Công Thương khu vực Bắc Trung Bộ-Nhịp cầu xuyên Á 2015” tại Quảng Trị.
- Chuẩn bị nội dung, tổ chức Hội đàm đánh giá kết quả hợp tác giai đoạn 2013-2015 giữa Sở Công Thương 2 tỉnh Quảng Trị và Savannakhet; Hỗ trợ thành lập Hội cà phê Khe Sanh; Nghiên cứu phát triển thương mại xuyên biên giới.

- Tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chuyên ngành về hoạt động điện lực, hoạt động thủy điện trên địa bàn.

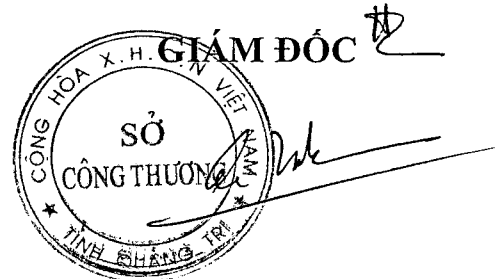
- Tham mưu xây dựng sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế làm việc của Sở; Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng xe ô tô.

- Tổ chức rà soát đánh giá các quy định, thủ tục hành chính và đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; Phương án thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” trong giải quyết thủ tục hành chính giữa Sở Công Thương và UBND tỉnh

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 7 năm 2015 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 8 năm 2015; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *VP*



**Lê Quang Vĩnh**

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT

Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

## BÁO CÁO THÔNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

Tháng 7 năm 2015

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite	Tấn	1036,00	650,00	6005,00	1824,00	10468,00	62,74%	35,64%	57,37%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	481,00	530,00	2735,00	503,00	2899,00	110,19%	105,37%	94,34%
3	Đá xây dựng	1000 m <sup>3</sup>	77,90	78,70	418,71	76,92	479,52	101,02%	102,31%	87,32%
4	Tinh bột sắn	Tấn	3774,00	1887,00	47992,00	2264,00	38940,00	50,00%	83,3%	123,25%
5	Đồ uống không cồn, nước khoáng (Nước hoa quả cam táo)	1000 lít	600,00	720,00	5527,00	1021,00	5030,00	120,00%	70,52%	109,88%
6	Gỗ xẻ	m <sup>3</sup>	7,09	7,31	44,70	7,91	55,33	103,10%	92,41%	80,78%
7	Ván ép (gỗ MDF)	m <sup>3</sup>	6,87	6,20	44,09	6,81	44,83	90,27%	91,06%	98,33%
8	Dầu nhựa thông	Tấn	177,00	195,00	1033,00	148,00	446,00	110,17%	131,76%	231,61%
9	Colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất	Tấn	915,00	800,00	4469,00	774,00	2686,00	87,43%	103,4%	166,38%
10	Phân bón NPK	Tấn	4471,00	3500,00	29101,00	3322,00	24010,00	78,28%	105,36%	121,20%
11	Lốp xe các loại	1000 cái	122,00	140,00	790,00	134,00	920,00	114,75%	104,48%	85,87%
12	Săm xe các loại	1000 cái	387,00	400,00	1036,00	222,00	222,00	103,36%	180,18%	466,67%
13	Gạch xây	1000 viên	13220,00	13450,00	92370,00	13529,00	89300,00	101,74%	99,42%	103,44%
14	Xi măng Protland đen	Tấn	26954,00	26753,00	172829,00	29101,00	150423,00	99,25%	91,93%	114,90%
15	Tấm lợp Phibro xi măng	1000 m <sup>2</sup>	289,00	296,00	2202,00	594,00	2984,00	102,42%	49,83%	73,79%
16	Điện sản xuất	Triệu Kwh	26,00	29,00	143,00	18,00	210,00	111,54%	161,11%	68,10%
17	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh	45,00	46,00	275,00	39,00	258,00	102,22%	117,95%	106,59%
18	Nước uống được	1000 m <sup>3</sup>	1062,00	1000,00	6293,00	926,00	5821,00	94,16%	107,99%	108,11%



TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	1793,93	1829,61	12312,27	1729,21	11351,81	101,99%	105,81%	108,46%
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	1540,83	1571,49	10586,38	1476,85	9769,34	101,99%	106,41%	108,36%
	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng								
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	123,92	128,23	848,17	165,31	1112,65	103,48%	77,57%	76,23%
1,2	Kinh tế Tập thể	"	0,13	0,16	0,63	0,16	0,16	124,00%	100,00%	396,25%
1,3	Kinh tế Cá thể	"	886,71	899,77	6054,80	835,44	5449,37	101,47%	107,70%	111,11%
1,4	Kinh tế Tư nhân	"	530,08	543,34	3682,77	475,94	3207,15	102,50%	114,16%	114,83%
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và dịch vụ khác)	Tỷ đồng	253,11	258,12	1725,89	252,36	1582,48	101,98%	102,28%	109,06%
2,1	Dịch vụ lưu trú	"	7,23	7,28	38,72	7,17	38,13	100,62%	101,52%	101,55%
2,2	Dịch vụ ăn uống	"	178,07	184,58	1201,44	186,16	1143,46	103,65%	99,15%	105,07%
2,3	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	2,91	3,12	19,74	2,04	14,58	107,19%	153,17%	135,36%
2,4	Dịch vụ khác	"	64,89	63,15	465,99	57,00	386,30	97,32%	110,79%	120,63%



## SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 02/SCT

## CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 7/2015

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 6/2015		Dự kiến tháng 7/2015			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2015 so với tháng 7/2014
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 6 năm 2014	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 6/2015	So với tháng 7/2014	
A	1	2	3	4	5	6
<b>Toàn ngành</b>	<b>166,36</b>	<b>127,80</b>	<b>151,57</b>	<b>93,07</b>	<b>109,89</b>	<b>113,12</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	51,53	100,60	45,89	89,97	95,70	93,40
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	193,21	128,28	174,66	91,44	106,95	119,53
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	59,54	148,82	63,15	106,51	141,62	82,60
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	155,18	109,97	146,70	94,53	107,53	109,08



## SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 03/SCT

## CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)

Tháng 7 năm 2015

Nhóm hàng	Mã số	Kỳ gốc	Tháng trước	Tháng cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Bình quân cùng kỳ
<b>Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>C</b>	<b>167,34</b>	<b>99,88</b>	<b>99,79</b>	<b>99,80</b>	<b>100,00</b>
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	1	165,26	99,73	99,03	99,30	100,00
II. Đồ uống, thuốc lá	2	143,93	100,00	103,05	102,97	102,50
III. May mặc, mũ nón, giày dép	3	181,00	100,01	104,28	102,05	104,90
IV. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng	4	184,06	99,88	99,98	101,47	100,30
V. Thiết bị đồ dùng gia đình	5	157,13	100,15	101,57	101,08	101,60
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	6	223,45	100,00	100,39	100,14	100,40
VII. Giao thông	7	149,59	100,17	90,89	98,61	88,60
VIII. Hàng bưu chính viễn thông	8	86,47	100,00	98,89	98,78	98,70
IX. Giáo dục	9	184,62	99,54	103,32	99,82	103,80
X. Văn hóa, giải trí và du lịch	10	128,98	100,40	105,13	100,86	100,90